Tra cứu Biểu thuế XNK Việt Nam

Chi tiết mã HS 4010.11.00

Mã HS	4010.11.00
Mô tả hàng hóa	Băng tải hoặc đai tải hoặc băng truyền (dây cu roa) hoặc đai truyền, bằng cao su lưu hóa / - Băng tải hoặc đai tải: / - - Chỉ được gia cố bằng kim loại
Đơn vị	kg/chiếc
Thời điểm tạo	11/11/2026 10:56:08
Phiên bản dữ liệu	2026.04.05 – BIEU THUE XNK 2026.04.05.xlsx
Trạng thái xác minh	Dữ liệu biểu thuế đối chiếu file nguồn; khuyến cáo/mapping là thông tin định hướng; điều kiện FTA chưa xác minh.
Liên kết	https://mail.vietnamtariff.com/hs-code/40101100/

Thuế áp dụng năm 2026

Biểu thuế	Giá trị gốc	Thuế suất	Văn bản	hiệu lực	Nguồn
Thuế NK thông thường	7.5	7,5%	15/2023/QĐ-TTg	2023-07-15	BT2026!K6431
Thuế NK ưu đãi (MFN)	5	5%	26/2023/NĐ-CP	2023-07-15	BT2026!N6431
Thuế GTGT (VAT)	8/10	8 / 10 (nhiều mức)	181/2025/NĐ-CP	2025-07-01	BT2026!Q6431
Thuế tiêu thụ đặc biệt		Không có dữ liệu			
Thuế bảo vệ môi trường		Không có dữ liệu			
Thuế xuất khẩu		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi CPTPP		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi EVFTA		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi UKVFTA		Không có dữ liệu			

Thuế suất ưu đãi đặc biệt (FTA) – 2026

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
AANZFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AANZ	121/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
ACFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	E	118/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/01/2026 - 31/12/2026	AI	122/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AJCEP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	AJ	120/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AKFTA	0(-LA, MM)	0% (trừ LA, MM)	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AK	119/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ATIGA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	D	126/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
CPTPP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	(VI)	CPTPP	115/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
EVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	116/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục A)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục B)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục C)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục D)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục E)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục F)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
UKVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	117/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VCFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VC	112/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
VJEPA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	JV · Form VJ	124/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VK	125/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-EAEU	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EAV	113/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-LAO	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026		S	206/2025/NĐ-CP	Thuế suất %
AHKFTA	1	1%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	AHK	123/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VIFTA	2.9	2,9%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	Form VI (verify)	131/2024/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-CAM		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		S	56/2026/NĐ-CP	Không có dữ liệu
VNCU		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		VNCB · Form VC (Cuba)	114/2022/NĐ-CP	Không có dữ liệu

Lịch sử / lộ trình thuế suất theo năm

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
ACFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AC!E6225
ATIGA	2022	2022	0	AT!E6186
ATIGA	2023	2023	0	AT!F6186
ATIGA	2024	2024	0	AT!G6186
ATIGA	2025	2025	0	AT!H6186
ATIGA	2026	2026	0	AT!I6186
ATIGA	2027	2027	0	AT!J6186
AJCEP	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	AJ!E6230
AJCEP	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	AJ!F6230

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
AJCEP	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	AJ!G6230
AJCEP	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	AJ!H6230
AJCEP	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	AJ!I6230
AJCEP	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	AJ!J6230
VJEPA	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	VJ!E6228
VJEPA	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	VJ!F6228
VJEPA	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	VJ!G6228
VJEPA	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	VJ!H6228
VJEPA	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	VJ!I6228
VJEPA	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	VJ!J6228
AKFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AK!F6236
AANZFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AANZ!H6192
AIFTA	30/12/2022	2022	0	AI!F6188
AIFTA	31/12/2022 - 30/12/2023	2023	0	AI!G6188
AIFTA	31/12/2023 - 30/12/2024	2024	0	AI!H6188
AIFTA	31/12/2024 - 31/12/2025	2025	0	AI!I6188
AIFTA	01/01/2026 - 31/12/2026	2026	0	AI!J6188
AIFTA	01/01/2027 - 31/12/2027	2027	0	AI!K6188
VKFTA	2022	2022	0	VK!E6212
VKFTA	2023	2023	0	VK!F6212
VKFTA	2024	2024	0	VK!G6212
VKFTA	2025	2025	0	VK!H6212
VKFTA	2026	2026	0	VK!I6212
VKFTA	2027	2027	0	VK!J6212
VCFTA	2022	2022	0	VC!D6254
VCFTA	2023	2023	0	VC!E6254

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
VCFTA	2024	2024	0	VC!F6254
VCFTA	2025	2025	0	VC!G6254
VCFTA	2026	2026	0	VC!H6254
VCFTA	2027	2027	0	VC!I6254
VN-EAEU	2022	2022	0	EAV!D6239
VN-EAEU	2023	2023	0	EAV!E6239
VN-EAEU	2024	2024	0	EAV!F6239
VN-EAEU	2025	2025	0	EAV!G6239
VN-EAEU	2026	2026	0	EAV!H6239
VN-EAEU	2027	2027	0	EAV!I6239
AHKFTA	2022	2022	3	AKH!D6242
AHKFTA	2023	2023	2	AKH!E6242
AHKFTA	2024	2024	2	AKH!F6242
AHKFTA	2025	2025	1	AKH!G6242
AHKFTA	2026	2026	1	AKH!H6242
AHKFTA	2027	2027	0	AKH!I6242
EVFTA	2022	2022	0	EV-NK!D6227
EVFTA	2023	2023	0	EV-NK!E6227
EVFTA	2024	2024	0	EV-NK!F6227
EVFTA	2025	2025	0	EV-NK!G6227
EVFTA	2026	2026	0	EV-NK!H6227
EVFTA	2027	2027	0	EV-NK!I6227
UKVFTA	2022	2022	0	UKV!D6229
UKVFTA	2023	2023	0	UKV!E6229
UKVFTA	2024	2024	0	UKV!F6229
UKVFTA	2025	2025	0	UKV!G6229

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
UKVFTA	2026	2026	0	UKV!H6229
UKVFTA	2027	2027	0	UKV!I6229
CPTPP	(I)	2021 (DERIVED)	0	CPTPP!D6214
CPTPP	(II)	2022 (DERIVED)	0	CPTPP!E6214
CPTPP	(III)	2023 (DERIVED)	0	CPTPP!F6214
CPTPP	(IV)	2024 (DERIVED)	0	CPTPP!G6214
CPTPP	(V)	2025 (DERIVED)	0	CPTPP!H6214
CPTPP	(VI)	2026 (DERIVED)	0	CPTPP!I6214
CPTPP	(VII)	2027 (DERIVED)	0	CPTPP!J6214
RCEP A	2022	2022	0	RCEPT-A!D6232
RCEP A	2023	2023	0	RCEPT-A!E6232
RCEP A	2024	2024	0	RCEPT-A!F6232
RCEP A	2025	2025	0	RCEPT-A!G6232
RCEP A	2026	2026	0	RCEPT-A!H6232
RCEP A	2027	2027	0	RCEPT-A!I6232
RCEP B	2022	2022	0	B!D6232
RCEP B	2023	2023	0	B!E6232
RCEP B	2024	2024	0	B!F6232
RCEP B	2025	2025	0	B!G6232
RCEP B	2026	2026	0	B!H6232
RCEP B	2027	2027	0	B!I6232
RCEP C	2022	2022	0	C!D6232
RCEP C	2023	2023	0	C!E6232
RCEP C	2024	2024	0	C!F6232
RCEP C	2025	2025	0	C!G6232
RCEP C	2026	2026	0	C!H6232

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
RCEP C	2027	2027	0	C!I6232
RCEP D	2022	2022	0	D!D6232
RCEP D	2023	2023	0	D!E6232
RCEP D	2024	2024	0	D!F6232
RCEP D	2025	2025	0	D!G6232
RCEP D	2026	2026	0	D!H6232
RCEP D	2027	2027	0	D!I6232
RCEP E	2022	2022	0	E!D6235
RCEP E	2023	2023	0	E!E6235
RCEP E	2024	2024	0	E!F6235
RCEP E	2025	2025	0	E!G6235
RCEP E	2026	2026	0	E!H6235
RCEP E	2027	2027	0	E!I6235
RCEP F	2022	2022	0	F!D6232
RCEP F	2023	2023	0	F!E6232
RCEP F	2024	2024	0	F!F6232
RCEP F	2025	2025	0	F!G6232
RCEP F	2026	2026	0	F!H6232
RCEP F	2027	2027	0	F!I6232
VIFTA	2024	2024	4.3	VI!F5769
VIFTA	2025	2025	3.6	VI!G5769
VIFTA	2026	2026	2.9	VI!H5769
VIFTA	2027	2027	2.1	VI!I5769

Khuyến cáo & cảnh báo

Mã rủi ro	Mức	Tên rủi ro	Mô tả	Dữ liệu liên quan	Căn cứ pháp lý	Khuyến nghị	Trạng thái xác minh
DOC-004	YELLOW	Chính sách mặt hàng khác	DM HH mua bán, trao đổi qua cửa khẩu phụ, lối mở biên giới của thương nhân (42/2019/TT-BCT, 33/2025/TT-BCT)		42/2019/TT-BCT, 33/2025/TT-BCT	Đọc văn bản được dẫn chiếu.	Văn bản dẫn chiếu trong file nguồn; chưa xác minh hiệu lực
OR-001	YELLOW	Chưa có nước xuất xứ	Chưa thể đánh giá FTA khi chưa có nước xuất xứ.			Nhập nước xuất xứ để so sánh các biểu thuế ưu đãi đặc biệt.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TAX-001	YELLOW	Nhiều mức thuế GTGT	Cột VAT ghi “8/10”.		181/2025/NĐ-CP	Xác định mức VAT theo bản chất hàng hóa và quy định giảm thuế (174/2025/NĐ-CP, Phụ lục I/II).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TR-004	GRAY	Not Assessed – Additional Regulatory Verification Required	File nguồn không ghi nhận biện pháp phòng vệ thương mại cho mã 4010.11.00. Điều này KHÔNG có nghĩa là không có rủi ro.			Kiểm tra cơ sở dữ liệu phòng vệ thương mại của Bộ Công Thương (Cục Phòng vệ thương mại).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
DQ-001	GREEN	Thuế MFN có trong biểu nguồn	Thuế suất MFN 5% của mã 4010.11.00 được đối chiếu với BT2026 (ô BT2026!N6431), căn cứ 26/2023/NĐ-CP.		26/2023/NĐ-CP	Phạm vi xác minh: đối chiếu với file nguồn phiên bản 2026.04.05, không thay thế văn bản pháp luật.	Đã đối chiếu với file biểu thuế nguồn

Chính sách mặt hàng

Chính sách mặt hàng
DM HH mua bán, trao đổi qua cửa khẩu phụ, lối mở biên giới của thương nhân (42/2019/TT-BCT, 33/2025/TT-BCT)

Báo cáo mang tính tham khảo, được tạo tự động từ dữ liệu biểu thuế nguồn và quy tắc khuyến cáo. Đây không phải quyết định của cơ quan hải quan, không xác nhận mã HS, điều kiện hưởng FTA hay hiệu lực pháp lý. Người dùng chịu trách nhiệm đối chiếu văn bản pháp luật hiện hành.